

THÔNG BÁO

**Biên chế công chức trong các cơ quan của chính quyền
địa phương cấp tỉnh, cấp xã năm 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Cán bộ, Công chức ngày 24/6/2025; Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh giao biên chế công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã năm 2026;

UBND tỉnh thông báo số lượng biên chế công chức trong các cơ quan chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã năm 2026 như sau:

- Biên chế trong các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh là: 1.744 người.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

- Biên chế trong các cơ quan cấp xã là: 5.910 người.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

UBND tỉnh giao: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND xã, phường thực hiện việc quản lý và sử dụng biên chế công chức đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả./. *ng*

Nơi nhận: *✓*

- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, TH (K).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA CHÍNH QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số 49.../TB-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Biên chế năm 2026	Ghi chú
	Tổng số	1744	
1	Biên chế đại biểu chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	16	
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	32	
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	81	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
-	<i>Cơ quan sở</i>	107	
-	<i>Chi cục Kiểm lâm</i>	295	
-	<i>Chi cục bảo vệ môi trường</i>	13	
-	<i>Văn phòng Chi cục chăn nuôi và Thú y</i>	19	
-	<i>Văn phòng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>	25	
-	<i>Văn phòng Chi cục Thủy lợi</i>	23	
-	<i>Văn phòng Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư</i>	27	
-	<i>Văn phòng Chi cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn</i>	19	
-	<i>Chi cục chất lượng, chế biến và phát triển thị trường</i>	12	
-	<i>Hạt kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt</i>	10	
-	<i>Hạt kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống</i>	10	
5	Sở Công Thương		
	<i>Cơ quan sở</i>	52	
	<i>Chi cục quản lý thị trường</i>	100	
6	Sở Y tế	89	
7	Sở Nội vụ	75	
8	Sở Khoa học và Công nghệ	48	
9	Sở Tài chính	120	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	68	
11	Sở Xây dựng	104	
12	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	67	
13	Thanh tra tỉnh	155	
14	Sở Tư pháp	37	
15	Sở Ngoại vụ	17	
16	Sở Dân tộc và Tôn giáo	37	
17	Ban quản lý Khu Kinh tế Đông Nam	34	
18	Các đơn vị sử dụng biên chế công chức		
-	<i>Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia Pù Mát</i>	46	
-	<i>Văn phòng Ban an toàn giao thông</i>	6	

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA CHÍNH QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số .40../TB-UBND ngày .03./01/2026 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Biên chế năm 2026			Giảm dần đến:
		Tổng	Chính quyền cấp xã	Ban chỉ huy quân sự	
	Tổng số	5910	5386	524	
1	Xã Anh Sơn	49	45	4	
2	Xã Yên Xuân	47	43	4	
3	Xã Nhân Hòa	42	38	4	
4	Xã Anh Sơn Đông	36	32	4	
5	Xã Vĩnh Tường	44	40	4	
6	Xã Thành Bình Thọ	36	32	4	
7	Xã Con Cuông	46	42	4	
8	Xã Môn Sơn	38	34	4	
9	Xã Mậu Thạch	36	32	4	
10	Xã Cam Phục	36	32	4	
11	Xã Châu Khê	36	32	4	
12	Xã Bình Chuẩn	36	32	4	
13	Xã Diễn Châu	54	50	4	
14	Xã Đức Châu	48	44	4	
15	Xã Quảng Châu	49	45	4	46
16	Xã Hải Châu	49	45	4	
17	Xã Tân Châu	46	42	4	44
18	Xã An Châu	50	46	4	49
19	Xã Minh Châu	51	47	4	50
20	Xã Hùng Châu	54	50	4	
21	Xã Đô Lương	54	50	4	
22	Xã Bạch Ngọc	49	45	4	
23	Xã Văn Hiến	47	43	4	
24	Xã Bạch Hà	47	43	4	
25	Xã Thuần Trung	48	44	4	
26	Xã Lương Sơn	46	42	4	41
27	Phường Hoàng Mai	50	46	4	
28	Phường Tân Mai	44	40	4	
29	Phường Quỳnh Mai	56	52	4	
30	Xã Hưng Nguyên	55	51	4	54
31	Xã Yên Trung	41	37	4	
32	Xã Hưng Nguyên Nam	50	46	4	46
33	Xã Lam Thành	54	50	4	43
34	Xã Mường Xén	36	32	4	
35	Xã Hữu Kiệm	36	32	4	
36	Xã Nậm Cắn	36	32	4	
37	Xã Chiêu Lưu	36	32	4	



TT	Đơn vị	Biên chế năm 2026			Giảm dần đến:
		Tổng	Chính quyền cấp xã	Ban chỉ huy quân sự	
38	Xã Na Loi	36	32	4	
39	Xã Mường Típ	36	32	4	
40	Xã Na Ngoi	36	32	4	
41	Xã Mỹ Lý	36	32	4	
42	Xã Bắc Lý	36	32	4	
43	Xã Keng Du	36	32	4	
44	Xã Huổi Tụ	36	32	4	
45	Xã Mường Lống	36	32	4	
46	Xã Vạn An	50	46	4	
47	Xã Nam Đàn	44	40	4	40
48	Xã Đại Huệ	40	36	4	
49	Xã Thiên Nhẫn	48	44	4	
50	Xã Kim Liên	54	50	4	
51	Xã Nghĩa Đàn	40	36	4	39
52	Xã Nghĩa Thọ	44	40	4	41
53	Xã Nghĩa Lâm	43	39	4	
54	Xã Nghĩa Mai	37	33	4	
55	Xã Nghĩa Hưng	45	41	4	
56	Xã Nghĩa Khánh	45	41	4	
57	Xã Nghĩa Lộc	45	41	4	
58	Xã Nghi Lộc	51	47	4	
59	Xã Phúc Lộc	42	38	4	
60	Xã Đông Lộc	43	39	4	
61	Xã Trung Lộc	46	42	4	43
62	Xã Thần Lĩnh	38	34	4	
63	Xã Hải Lộc	40	36	4	38
64	Xã Văn Kiều	48	44	4	42
65	Xã Quế Phong	46	42	4	42
66	Xã Tiên Phong	38	34	4	36
67	Xã Tri Lễ	37	33	4	36
68	Xã Mường Quàng	37	33	4	
69	Xã Thông Thụ	36	32	4	
70	Xã Quỳnh Châu	53	49	4	43
71	Xã Châu Tiến	40	36	4	38
72	Xã Hùng Chân	39	35	4	36
73	Xã Châu Bình	36	32	4	
74	Xã Quỳnh Hợp	54	50	4	
75	Xã Tam Hợp	54	50	4	
76	Xã Châu Lộc	36	32	4	
77	Xã Châu Hồng	36	32	4	
78	Xã Mường Ham	36	32	4	
79	Xã Mường Chộng	36	32	4	
80	Xã Minh Hợp	41	37	4	
81	Xã Quỳnh Lưu	62	58	4	54

TT	Đơn vị	Biên chế năm 2026			Giảm dần đến:
		Tổng	Chính quyền cấp xã	Ban chỉ huy quân sự	
82	Xã Quỳnh Văn	49	45	4	
83	Xã Quỳnh Anh	54	50	4	
84	Xã Quỳnh Tam	54	50	4	
85	Xã Quỳnh Phú	58	54	4	54
86	Xã Quỳnh Sơn	46	42	4	
87	Xã Quỳnh Thắng	36	32	4	
88	Xã Tân Kỳ	55	51	4	52
89	Xã Tân Phú	48	44	4	
90	Xã Tân An	42	38	4	
91	Xã Nghĩa Đồng	40	36	4	
92	Xã Giai Xuân	36	32	4	
93	Xã Nghĩa Hành	42	38	4	
94	Xã Tiên Đồng	39	35	4	
95	Phường Thái Hòa	45	41	4	
96	Phường Tây Hiếu	42	38	4	
97	Xã Đông Hiếu	42	38	4	
98	Xã Cát Ngạn	42	38	4	
99	Xã Tam Đồng	46	42	4	
100	Xã Hạnh Lâm	36	32	4	
101	Xã Sơn Lâm	36	32	4	
102	Xã Hoa Quân	52	48	4	
103	Xã Kim Bảng	47	43	4	
104	Xã Bích Hào	53	49	4	
105	Xã Đại Đồng	57	53	4	54
106	Xã Xuân Lâm	54	50	4	
107	Xã Tương Dương	38	34	4	
108	Xã Tam Quang	36	32	4	
109	Xã Tam Thái	36	32	4	
110	Xã Lượng Minh	36	32	4	
111	Xã Yên Na	36	32	4	
112	Xã Yên Hòa	36	32	4	
113	Xã Nga My	36	32	4	
114	Xã Hữu Khuông	36	32	4	
115	Xã Nhôn Mai	36	32	4	
116	Phường Trường Vinh	87	82	5	74
117	Phường Thành Vinh	78	73	5	74
118	Phường Vinh Hưng	69	64	5	58
119	Phường Vinh Phú	73	69	4	65
120	Phường Vinh Lộc	70	66	4	62
121	Phường Cửa Lò	79	74	5	60
122	Xã Yên Thành	63	59	4	51
123	Xã Quan Thành	46	42	4	42
124	Xã Hợp Minh	52	48	4	51
125	Xã Vân Tụ	54	50	4	49

TT	Đơn vị	Biên chế năm 2026			Giảm dần đến:
		Tổng	Chính quyền cấp xã	Ban chỉ huy quân sự	
126	Xã Vân Du	45	41	4	
127	Xã Quang Đông	42	38	4	
128	Xã Giai Lạc	54	50	4	45
129	Xã Bình Minh	54	50	4	46
130	Xã Đông Thành	51	47	4	

UBND TỈNH NGHỆ AN